

Bản án số: **08/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/4/2024

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Long và Bà Phạm Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 185/2023/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị Thanh T - sinh năm 1968; địa chỉ: 33 Lê Hồng Phong, phường Q, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Ông Lê Tấn G - sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố L, phường P, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn ly hôn nhận ngày 07/11/20223 và tại đơn yêu cầu Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 12/01/2024, nguyên đơn bà Phùng Thị Thanh T trình bày được tóm tắt như sau:*

Về hôn nhân: Bà Phùng Thị Thanh T và ông Lê Tấn G tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã S, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 13/9/2023.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không đồng nhất quan điểm sống và tính tình không hợp nên bà T bỏ về nơi cư trú của bà T sinh sống, không còn qua lại, chăm sóc gì cho nhau. Bà T không muốn tiếp tục chung sống với ông G nên bà T yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tấn Giác.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Toà giải quyết.

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Tại đơn xin trình bày ý kiến ngày 15/12/2023 và tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt Bị đơn ông Lê Tấn G trình bày: Ông G và Phùng Thị Thanh T kết hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã S, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 13/9/2023. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không đồng nhất quan điểm sống và tính tình không hợp nên bà T bỏ về quê của bà T sinh sống đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông G đồng ý.*

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ông G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phùng Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn G, quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS, bị đơn ông G cư trú tại thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã S theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên, bị đơn bà Phùng Thị Thanh T và ông Lê Tấn G theo khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Bà Phùng Thị Thanh T và ông Lê Tấn G tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 13/9/2023 của UBND phường P, thị xã S, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn: Theo lời trình bày của bà Phùng Thị Thanh T thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do không đồng nhất quan điểm sống và tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không còn chung sống với nhau nữa và được ông Lê Tấn G đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy tình cảm giữa bà T và ông G thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phùng Thị Thanh T và ông Lê Tấn G không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phùng Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Các điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phùng Thị Thanh T đối với ông Lê Tấn G.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phùng Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã tạm nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008656 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S. Bà T đã nộp đủ án phí.

[4] Nguyên, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã S;
- Chi cục thi hành án Thị xã S;
- UBND phường P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Hoàng